

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 274.../CT - TCHC

V/v công bố báo cáo tài chính năm 2023 Công ty
CPĐT&XL Thành An 665 đã được kiểm toán

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội,

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Thành An 665
- Mã chứng khoán: TA6.
- Địa chỉ: 116A Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024.38581489 Fax: 024.38587825
- Người thực hiện công bố thông tin: Phương Trọng Quân – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Thành An 665 công bố thông tin về báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán độc lập.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/3/2024 tại đường dẫn www.congty665.com.vn, mục Quan hệ cổ đông – Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Thành An 665 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

Bùi Tuấn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Thành An 665 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Thành An 665 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây lập 665 thuộc Tổng Công ty Thành An – Bộ Quốc phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 72/QĐ-BQP ngày 08/01/2009, Quyết định số 3594/QĐ-BQP ngày 31/10/2008 và Quyết định số 816/QĐ-BQP ngày 08/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100385603 do Phòng đăng ký kinh doanh số 03 thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21/04/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Lương	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Tuấn Minh	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)
Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên
Ông Tạ Đông Hà	Ủy viên
Ông Dương Xuân Cường	Ủy viên
Ông Phạm Nam Giang	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Tuấn Minh	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11/04/2023)
Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 11/04/2023)
Ông Ngô Thế Vượng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Lương	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2023)
Ông Tạ Đông Hà	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiên Phong	Trưởng ban
Bà Phạm Thúy Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Phương Quỳnh	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:
Ông Bùi Tuấn Minh – Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính; kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

8. Các cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Bùi Tuấn Minh

Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: 0412/2023/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ đối chiếu, xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023, các thủ tục kiểm toán thay thế không áp dụng được. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày ngày 31/12/2023 của Công ty

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023, Công ty có một số khoản công nợ phải thu tồn đọng với giá trị lần lượt là 76,21 tỷ đồng và 86,2 tỷ đồng. Công ty đang trong quá trình thực hiện đánh giá khả năng thu hồi từng khoản tồn đọng. Do đó chúng tôi không có cơ sở để xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập tại thời điểm đầu năm và cuối năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/2014/TT-BTC ngày 22/14/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 29/03/2023 do: các khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ và kiểm toán viên không có cơ sở để xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập của các khoản phải thu tồn đọng. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 như mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” trên đây.



Vũ Thị Dung

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 4368-2021-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Hải Phương

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 1329-2023-283-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		350.352.402.077	342.067.571.584
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	41.141.552.173	70.116.977.599
111	1. Tiền		41.141.552.173	70.116.977.599
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		237.492.336.641	225.653.168.863
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.2	137.821.979.851	138.883.603.191
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.4	4.642.512.206	1.061.673.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5.5	95.027.844.584	85.707.892.428
140	III. Hàng tồn kho	5.6	67.424.195.858	44.295.542.730
141	1. Hàng tồn kho		67.424.195.858	44.295.542.730
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.294.317.405	2.001.882.392
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		2.150.264.948	1.177.004.075
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.8	2.144.052.457	824.878.317
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.516.910.212	14.992.523.201
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.176.766.670	4.931.766.670
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5.3	4.176.766.670	4.931.766.670
220	II. Tài sản cố định		3.967.874.765	4.672.744.379
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.9	3.967.874.765	4.672.744.379
222	- Nguyên giá		23.417.084.556	23.417.084.556
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.449.209.791)	(18.744.340.177)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.372.268.777	5.388.012.152
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.7	5.372.268.777	5.388.012.152
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		363.869.312.289	357.060.094.785

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 - DN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		328.319.575.620	320.286.123.365
310	I. Nợ ngắn hạn		328.319.575.620	320.286.123.365
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.8	170.177.491.818	146.503.453.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.9	34.443.851.715	66.465.449.370
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.6	-	58.288.270
314	4. Phải trả người lao động		542.496.884	497.954.307
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		159.227.434	-
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		9.080.176.164	8.784.140.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	5.10	58.522.358.006	46.906.879.796
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.11	54.606.003.079	50.231.760.021
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		787.970.520	838.196.767
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.549.736.669	36.773.971.420
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.12	35.549.736.669	36.773.971.420
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		30.000.000.000	30.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.549.736.669	5.549.736.669
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	1.224.234.751
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		-	405.093
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		-	1.223.829.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		363.869.312.289	357.060.094.785



Người lập biểu
Cán Thị Thúy Nga
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2024



Kế toán trưởng
Nguyễn Xuân Thường



Giám đốc
Bùi Tuấn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02 - DN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	223.540.130.614	268.267.394.506
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		223.540.130.614	268.267.394.506
11	3. Giá vốn hàng bán	6.2	213.456.499.400	257.493.741.438
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.083.631.214	10.773.653.068
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	730.070.981	130.208.652
22	6. Chi phí tài chính	6.4	938.837.274	3.330.964.718
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		938.837.274	3.330.964.718
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	8.630.395.481	6.012.905.980
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.244.469.440	1.559.991.022
31	9. Thu nhập khác	6.6	28.341.311	-
32	10. Chi phí khác	6.7	63.386.861	27.480.387
40	11. Lợi nhuận khác		(35.045.550)	(27.480.387)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.209.423.890	1.532.510.635
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.8	271.010.888	308.680.977
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		938.413.002	1.223.829.658
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.9		191

Người lập biểu
Cần Thị Thúy Nga
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng
Nguyễn Xuân Thương



Giám đốc
Bùi Tuấn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B03 - DN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.209.423.890	1.532.510.635
	2. Điều chỉnh cho các khoản		913.635.907	4.180.149.777
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		704.869.614	979.393.711
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(730.070.981)	(130.208.652)
06	- Chi phí lãi vay		938.837.274	3.330.964.718
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.123.059.797	5.712.660.412
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.376.602.791)	21.050.932.875
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(23.128.653.128)	36.852.020.789
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.557.121.099	(9.823.961.137)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.743.375	(232.375.416)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(779.609.840)	(3.330.964.718)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(490.797.977)	(455.703.065)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(106.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(34.079.739.465)	49.666.109.740
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được		730.070.981	130.208.652
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		730.070.981	130.208.652
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay	7.1	65.656.126.316	72.106.554.324
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	7.2	(61.281.883.258)	(62.297.747.698)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(1.116.762.108)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.374.243.058	8.692.044.518
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(28.975.425.426)	58.488.362.910
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		70.116.977.599	11.628.614.689
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		41.141.552.173	70.116.977.599

Người lập biểu
Cán Thị Thúy Nga
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng
Nguyễn Xuân Thường



Giám đốc
Bùi Tuấn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây lắp 665 thuộc Tổng Công ty Thành An – Bộ Quốc phòng, được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 72/QĐ-BQP ngày 08/01/2009, Quyết định số 3594/QĐ-BQP ngày 31/10/2008 và Quyết định số 816/QĐ-BQP ngày 08/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100385603 do Phòng đăng ký kinh doanh số 03 thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21/04/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng). Tương đương với 3.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông và thủy lợi;
- Bán vật liệu thiết bị điện, dây động lực;
- Cho thuê máy móc thiết bị;

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh đối với hoạt động thương mại, dịch vụ của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng và đối với hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thi công của từng công trình theo Hợp đồng ký kết giữa Công ty và Chủ đầu tư, thường có thời gian trên 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 96 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 84 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

4.8 Các khoản vay và chi phí đi vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận khi thống nhất với khách hàng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.14 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

4.15 Các nghĩa vụ về thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN căn cứ vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

b) Các khoản thuế khác

Các khoản thuế khác được doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.16 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	139.983.060	163.796.340
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.001.569.113	69.953.181.259
	41.141.552.173	70.116.977.599

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Long Hậu	10.341.558.001	-	18.824.260.062	-
Tổng Công ty Thành An (Công trình Bệnh viện Bạch Mai)	23.245.845.000	-	23.245.845.000	-
Bộ Ngoại giao (Công trình hầm thoát hiểm)	10.128.266.329	-	10.128.266.329	-
Ban Quản lý Khu Đô thị Việt Hàn	11.669.330.315	-	7.589.135.832	-
Phải thu khác hàng ngắn hạn khác	82.436.980.206	-	79.096.095.968	-
	137.821.979.851	-	138.883.603.191	-
c) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	37.523.856.241	-	37.523.856.241	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 8.1)

5.3 Phải thu dài hạn khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
San nền cơ khí 120	2.107.381.000	-	2.862.381.000	-
Bể bơi thị xã Hưng Yên	772.165.267	-	772.165.267	-
Sư bộ F324 QK4	498.977.185	-	498.977.185	-
Phải thu dài hạn khách hàng khác	798.243.218	-	798.243.218	-
	4.176.766.670	-	4.931.766.670	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH ĐT TM & PT dịch vụ Hùng Anh	1.840.300.000	-	-	-
Công ty TNHH XD và TM Nam Minh	1.054.080.000	-	-	-
Công ty TNHH TV thiết kế XD và PT Hạ tầng Nam Phương	1.254.440.000	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	493.692.206	-	1.061.673.244	-
	4.642.512.206	-	1.061.673.244	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu các chủ nhiệm nợ gốc tiền thực hiện công trình	19.390.804.998	-	19.554.204.998	-
- Phải thu chủ nhiệm Nguyễn Hải Bằng	4.517.404.523	-	4.517.404.523	-
- Phải thu chủ nhiệm Hoàng Chí Tùng	3.850.124.576	-	3.903.024.576	-
- Phải thu chủ nhiệm Nguyễn Duy Cường	3.122.714.371	-	3.167.714.371	-
- Phải thu chủ nhiệm Nguyễn Xuân Lực	3.021.249.977	-	3.033.749.977	-
- Phải thu các chủ nhiệm khác	4.879.311.551	-	4.932.311.551	-
Phải thu các chủ nhiệm lãi tiền thực hiện công trình	18.636.446.463	-	17.606.062.690	-
- Phải thu chủ nhiệm Nguyễn Hải Bằng	14.203.659.400	-	13.641.020.320	-
- Phải thu các chủ nhiệm khác	4.432.787.063	-	3.965.042.370	-
Tạm ứng	9.748.571.260	-	8.847.766.136	-
Ký cược, ký quỹ	8.603.787.332	-	6.630.000.000	-
Phải thu các chủ nhiệm tạm ứng thi	33.297.499.789	-	27.312.621.422	-
- Phải thu chủ nhiệm Vũ Văn Thượng - Công trình Cầu đường Huội Quảng	4.326.974.684	-	4.213.888.821	-
- Phải thu chủ nhiệm Hứa Trung Văn - Công trình Hạ tầng Đại học Tây Bắc	4.168.586.602	-	4.043.304.741	-
- Phải thu chi nhánh Vinh	7.606.872.863	-	7.327.143.884	-
- Phải thu các chủ nhiệm khác	17.195.065.640	-	11.728.283.976	-
Phải thu khác	5.350.734.742	-	5.757.237.182	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
	95.027.844.584	-	85.707.892.428	-
Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	65.854.945	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 8.1)

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	279.194.932	-	505.581.102	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.861.479.949	-	39.631.124.928	-
Hàng hoá	5.283.520.977	-	4.158.836.700	-
	67.424.195.858	-	44.295.542.730	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 - DN**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	-
b) Dài hạn		
- Tiền phạt chậm nộp thuế chưa trả hết - Chờ điều chỉnh với Cục thuế Hà Nội (*)	5.065.065.243	5.065.065.243
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	307.203.534	322.946.909
	<u>5.372.268.777</u>	<u>5.388.012.152</u>

(*) Đây là số tiền phạt chậm nộp thuế từ các năm trước nhưng đã được Cục thuế Thành phố Hà Nội xác định là do các khoản nợ phải thu của Chủ đầu tư có nguồn gốc Ngân sách chậm thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	824.378.317	-	-	1.074.720.839	1.899.099.156	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.680.977	271.010.888	490.797.977	211.106.112	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.607.293	5.905.100	89.359.582	33.847.189	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	500.000	-	6.000.000	5.500.000	-	-
	824.878.317	58.288.270	282.915.988	1.660.378.398	2.144.052.457	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.102.733.925	13.332.675.774	2.877.720.630	103.954.227	23.417.084.556
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.102.733.925	13.332.675.774	2.877.720.630	103.954.227	23.417.084.556
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.010.111.461	12.752.553.859	2.877.720.630	103.954.227	18.744.340.177
- Khấu hao trong năm	458.414.372	246.455.242	-	-	704.869.614
Số dư cuối năm	3.468.525.833	12.999.009.101	2.877.720.630	103.954.227	19.449.209.791
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.092.622.464	580.121.915	-	-	4.672.744.379
Tại ngày cuối năm	3.634.208.092	333.666.673	-	-	3.967.874.765

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.611.623.359 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 13.760.447.648 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Eurowindow	9.272.912.237	9.272.912.237	9.472.912.237	9.472.912.237
- Công ty TNHH Sài Gòn Logistics	18.987.484.905	18.987.484.905	22.987.484.905	22.987.484.905
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại An Tôn	482.963.500	482.963.500	5.282.963.500	5.282.963.500
- Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong	3.123.176.674	3.123.176.674	4.237.362.180	4.237.362.180
- Công ty Sản xuất bê tông Việt Mỹ	4.166.955.900	4.166.955.900	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ xây dựng Nhật Việt	4.702.219.093	4.702.219.093	-	-
- Công ty TNHH XD và mua bán thiết bị Hùng Hậu	5.703.257.492	5.703.257.492	1.190.144.505	1.190.144.505
- Khác	123.738.522.017	123.738.522.017	103.332.586.508	103.332.586.508
	170.177.491.818	170.177.491.818	146.503.453.835	146.503.453.835
	3.076.640.996	3.076.640.996	1.483.123.832	1.483.123.832

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 8.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nhà máy Z131 - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	2.044.524.352	21.045.118.922
- Bệnh viện phụ sản Trung ương - Cơ sở 2	2.652.471.745	35.172.319.459
- Trung tâm giáo dục hướng nghiệp tỉnh Bạc Liêu	9.083.943.288	-
- Viện chấn thương chỉnh hình quân y 5	3.896.493.700	3.896.493.700
- Trung đoàn 910	16.013.338.000	-
- Khác	753.080.630	6.351.517.289
	34.443.851.715	66.465.449.370

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	580.773.373	524.207.248
Bảo hiểm xã hội, y tế	716.642	20.938.704
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả về cổ tức	3.080.743.704	1.569.043.704
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.860.124.287	44.792.690.140
- Phải trả ngân sách về khoản chậm nộp thuế - chờ điều chỉnh với cục thuế TP Hà Nội	5.158.018.514	5.658.018.514
- Phải trả chủ nhiệm tiền tạm ứng thi công	46.429.534.385	35.406.852.939
- Khác	3.272.571.388	3.727.818.687
	58.522.358.006	46.906.879.796

(*) Đây là số tiền chậm nộp thuế từ các năm trước nhưng đã được Cục thuế TP.Hà Nội xác định là do các khoản nợ phải thu Chủ đầu tư có nguồn gốc ngân sách chậm thanh toán. Căn cứ vào Công văn số 59038/CTHN-QLN ngày 01/12/2022 của Cục thuế TP.Hà Nội về việc xác nhận nợ thuế, số tiền chậm nộp Công ty còn phải nộp Ngân sách Nhà nước là 5.658.018.514 VND bằng với số tiền Ngân sách Nhà nước xác nhận chưa thanh toán và được phân loại là nợ chờ điều chỉnh, không tính tiền chậm nộp. Trong năm 2023, Công ty đã nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước là 500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân (1)	13.888.889.235	13.888.889.235	23.221.300.270	21.441.552.402	15.668.637.103	15.668.637.103
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (2)	36.342.870.786	36.342.870.786	42.434.826.046	39.840.330.856	38.937.365.976	38.937.365.976
	50.231.760.021	50.231.760.021	65.656.126.316	61.281.883.258	54.606.003.079	54.606.003.079

Thuyết minh chi tiết cho các khoản vay

- (1) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 148095.23.003.5033.TD ngày 27/07/2023 với Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân, hạn mức tín dụng cho vay là 20.000.000.000 VND, thời hạn cho vay và lãi suất theo từng lần giải ngân và nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp. Tài sản đảm bảo theo danh mục tài sản bảo đảm tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), chi tiết việc bảo đảm được quy định tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và Bên bảo đảm; bảo lãnh của bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác; các tài sản theo quy định tại Thỏa thuận chung.
- (2) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/43756/HĐTD ngày 07/11/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Hạn mức tín dụng là 123.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và mở LC tối đa là 40.000.000.000 VND, thời hạn vay và lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây lắp. Biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm có/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**5.14 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	5.549.736.669	482.362.300	36.032.098.969
Lãi trong năm trước	-	-	1.223.829.658	1.223.829.658
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(113.980.207)	(113.980.207)
Chi trả cổ tức	-	-	(267.000.000)	(267.000.000)
Giảm khác	-	-	(100.977.000)	(100.977.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	5.549.736.669	1.224.234.751	36.773.971.420
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	5.549.736.669	1.224.234.751	36.773.971.420
Lãi trong năm nay	-	-	938.413.002	938.413.002
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(650.947.753)	(650.947.753)
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(1.511.700.000)	(1.511.700.000)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	5.549.736.669	-	35.549.736.669

(*) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức năm 2022 và tạm trích năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 725/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lập Thành An 665.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thành An	15.801.000.000	52,67%	15.801.000.000	52,67%
Ông Phạm Văn Thắng	3.088.550.000	10,30%	3.088.550.000	10,30%
Ông Lê Đình Tài	1.900.000.000	6,33%	1.900.000.000	6,33%
Ông Vũ Văn Dũng	1.800.000.000	6,00%	1.800.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	7.410.450.000	24,70%	7.410.450.000	24,70%
Cộng	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

đ) Cổ tức

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm kế toán năm	1.511.700.000	267.000.000
- <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	1.511.700.000	267.000.000

e) Các quỹ của Công ty

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.549.736.669	5.549.736.669
	<u>5.549.736.669</u>	<u>5.549.736.669</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	34.286.266.292
Doanh thu dịch vụ	671.890.908	821.890.908
Doanh thu hợp đồng xây dựng	222.868.239.706	233.159.237.306
	<u>223.540.130.614</u>	<u>268.267.394.506</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	33.290.347.944
Giá vốn cho thuê	84.472.592	119.033.734
Giá vốn hoạt động xây lắp	213.372.026.808	224.084.359.760
	<u>213.456.499.400</u>	<u>257.493.741.438</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	730.070.981	130.208.652
	730.070.981	130.208.652

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	938.837.274	3.330.964.718
	938.837.274	3.330.964.718

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	158.912.049	126.068.601
Chi phí nhân viên quản lý	4.846.995.919	3.547.098.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.106.175	301.191.780
Thuế, phí và lệ phí	237.911.248	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.950.423	990.720.994
Chi phí khác bằng tiền	2.904.519.667	1.043.826.068
	8.630.395.481	6.012.905.980

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền điện của hoạt động cho thuê	28.341.311	-
	28.341.311	-

6.7 Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	35.045.550	-
Khác	28.341.311	27.480.387
	63.386.861	27.480.387

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hoạt động chịu thuế suất thuế TNDN 20%		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.209.423.890	1.532.510.635
Các khoản điều chỉnh tăng	35.045.550	10.894.248
- Chi phí loại trừ	35.045.550	10.894.248
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.244.469.440	1.543.404.883
Thu nhập tính thuế TNDN	1.244.469.440	1.543.404.883
Chi phí thuế TNDN hiện hành	248.893.888	308.680.977
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung theo Biên bản thanh tra thuế năm 2021	22.117.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	271.010.888	308.680.977
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.680.977	155.703.065
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(490.797.977)	(455.703.065)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(211.106.112)	8.680.977
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(211.106.112)	8.680.977

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	938.413.002	1.223.829.658
Các khoản điều chỉnh :		
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	281.713.753	650.947.753
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	656.699.249	572.881.905
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	219	191

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 725/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 191 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 408 VND/cổ phiếu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.914.056.239	107.538.448.889
Chi phí nhân công	53.972.542.175	24.472.301.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.561.417	979.393.711
Thuế, phí và lệ phí	237.911.248	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.851.042.277	60.741.571.263
Chi phí khác bằng tiền	2.904.519.667	2.838.057.654
	248.429.633.023	196.569.772.729

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.141.552.173	-	70.116.977.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	237.026.591.105	-	229.523.262.289	-
	278.168.143.278	-	299.640.239.888	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	54.606.003.079	50.231.760.021
Phải trả người bán, phải trả khác	228.699.849.824	193.410.333.631
Chi phí phải trả	159.227.434	-
	283.465.080.337	243.642.093.652

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính,

ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.141.552.173	-	-	41.141.552.173
Phải thu khách hàng, phải thu khác	232.849.824.435	4.176.766.670	-	237.026.591.105
Cộng	273.991.376.608	4.176.766.670	-	278.168.143.278
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.116.977.599	-	-	70.116.977.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	224.591.495.619	4.931.766.670	-	229.523.262.289
Cộng	294.708.473.218	4.931.766.670	-	299.640.239.888

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	54.606.003.079	-	-	54.606.003.079
Phải trả người bán, phải trả khác	228.699.849.824	-	-	228.699.849.824
Chi phí phải trả	159.227.434	-	-	159.227.434
	283.465.080.337	-	-	283.465.080.337
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	50.231.760.021	-	-	50.231.760.021
Phải trả người bán, phải trả khác	193.410.333.631	-	-	193.410.333.631
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	243.642.093.652	-	-	243.642.093.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành An 116	Trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thành An 117	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	Công ty con của Công ty mẹ
Ban điều hành 11S - Tổng Công ty Thành An	Trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Thành An 115	Trực thuộc Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.194.665.082	3.204.452.224
Tổng Công ty Thành An	1.328.170.934	333.469.865
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	-	164.119.032
Công ty Cổ phần Thành An	7.866.494.148	2.706.863.327

Số dư tại ngày kết thúc năm kế toán năm:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	37.523.856.241	37.523.856.241
Công ty Cổ phần Thành An 116	89.743.000	89.743.000
Ban Điều hành 11S - Tổng Công ty Thành An	26.650.000	26.650.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	339.737.816	339.737.816
Tổng Công ty Thành An	37.067.725.425	37.067.725.425
Phải thu ngắn hạn khác	-	65.854.945
Tổng Công ty Thành An	-	65.854.945
Phải trả ngắn hạn người bán	3.076.640.996	1.483.123.832
Tổng Công ty Thành An	904.386.747	-
Xí nghiệp Thành An 115	-	197.552.122
Công ty Cổ phần Thành An 117	2.172.254.249	1.285.571.710
Phải trả nội bộ	9.080.176.164	8.784.140.999
Tổng Công ty Thành An	9.080.176.164	8.784.140.999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665

Địa chỉ: Số 116A, Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của các thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
Ông Lê Văn Lương	Chủ tịch HĐQT	192.000.000	188.000.000
Ông Tạ Đông Hà	Thành viên HĐQT	86.380.386	101.636.364
Ông Dương Xuân Cường	Thành viên HĐQT	5.879.998	7.636.364
Ông Phạm Nam Giang	Thành viên HĐQT	2.519.999	7.636.364
Ông Phạm Văn Thắng	Thành viên HĐQT	64.079.999	216.000.000
Ông Bùi Tuấn Minh	Giám đốc	160.080.000	-
Ông Ngô Thế Vượng	Phó Giám đốc	96.000.000	94.000.000
Ông Nguyễn Tiên Phong	Trưởng ban kiểm soát	4.810.908	4.810.909
Bà Nguyễn Phương Quỳnh	Thành viên Ban kiểm soát	4.810.908	4.810.909

8.2 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

8.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc cam kết không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 665 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Người lập biểu
Cán Thị Thúy Nga
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 03 năm 2024



Kế toán trưởng
Nguyễn Xuân Thường



Giám đốc
Bùi Tuấn Minh